TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2017.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lường Thị Nhung và ông Lò Văn Pọm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2017/TLST-HN&GĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Lò Văn T**; sinh năm 1956.
Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Bà Lường Thị D**; sinh năm: 1974.
Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (hiện nay đang cải tạo tại đội 11, K5, trại giam T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ), (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con ngày 20/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị ông Lò Văn T trình bày:

Ông Lò Văn T và bà Lường Thị D kết hôn ngày 18/11/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Lai Châu cũ, (nay là tỉnh Điện Biên). Kể từ khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được 10 năm, sau này do bà D có quan hệ lăng nhăng với người đàn ông khác, mang tiền của gia đình cho người tình tiêu pha, mặc dù ông T đã khuyên giải bà D nhiều lần. Bà D lao vào con đường nghiện chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy và bị phạt 15 năm tù. Ông T tuổi đã cao không thể chờ bà D chấp hành xong án phạt tù được và tình cảm vợ chồng không còn. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà D. Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lường Thị D khai: Bà Lường Thị D và ông Lò Văn T đăng ký kết hôn ngày 18/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà không

phát sinh mâu thuẫn, năm 2013 bà D bị xét xử và bị đi cải tạo từ đó cho đến nay, ông T có đơn xin ly hôn bà D không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông Lò Văn T và bà Lường Thị D có 02 người con chung. Cháu Lò Thị T sinh ngày 26/9/2003 và cháu Lò Cao B sinh ngày 06/12/2007. Khi ly hôn ông Lò Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Bà Lường Thị D trình bày nếu phải ly hôn, đề nghị giao con cho ông T nuôi bà D đang cải tạo nên không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Lò Văn T và bà Lường Thị D khai thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lò Văn T và bà Lường Thị D khai thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị và kháng nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Lường Thị D đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà D tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt bà D tại phiên tòa.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa ông Lò Văn T và bà Lường Thị D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lò Văn T và bà Lường Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu cũ, (nay là tỉnh Điện Biên). Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/11/2002 của UBND xã C sinh xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông Lò Văn T trình bày do bà Lường Thị D có quan hệ vời người đàn ông khác và nghiện chất ma túy; bà D trình bày ông bà không phát sinh mâu thuẫn, năm 2013 bà D bị xét xử và bị đi cải tạo từ đó cho đến nay, ông T có đơn xin ly hôn bà D không nhất trí ly hôn nhưng ông T vẫn kiên quyết ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của ông T về tình trang hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; lời khai của bà D mâu thuẫn với lời khai của ông T và không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận định, tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, không thể kéo dài

được, mục đích hôn nhân không đạt do ông T không còn tình cảm với bà D, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ông bà không còn tin tưởng nhau.

Sau khi thụ lý Tòa án đã không tiến hành hòa giải được vì hiện tại bà Lường Thị D đang chấp án phạt tù tại đội 11, K5, trại giam T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Trước khi bà D phải chấp hành án phạt tù ông bà không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lò Văn T, ông T và bà D được ly hôn.

[4] Về con chung: Ông Lò Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con sau ly hôn cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà Lường Thị D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu nuôi con của ông T, phù hợp với nguyện vọng của các con và nguyện vọng của bà Lường Thị D là giao con cho ông T nuôi bà D đang cải tạo nên không cấp dưỡng nuôi con. Do đó yêu cầu nuôi con của ông T, Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung:

Về tài sản chung: Ông Lò Văn T và bà Lường Thị D thống nhất không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông Lò Văn T và bà Lường Thị D thống nhất không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Ông Lò Văn T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ vợ chồng: Ông Lò Văn T được ly hôn bà Lường Thị D.

2. Về con chung:

Ông Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Thị T sinh ngày 26/9/2003 và cháu Lò Cao B sinh ngày 06/12/2007 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông T và bà D không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lò Văn T có quyền yêu cầu bà Lường Thị D cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn bà Lường Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lò Văn T.

Ông Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/8/2017).

Bà Lường Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi bà D đang chấp hành án phạt tù tại đội 11, K5, trại

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hương